

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2017/HNGĐ-ST
Ngày 23/11/2017
(V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.***

**** Các Hội thẩm nhân dân:***

1. Ông Ngô Văn Sang.

2. Bà Phạm Hồng Thiêm.

**** Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Tiến Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy ghi biên bản phiên tòa:***

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:***

Bà Đặng Thị Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 239/2017/TL-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2017/QĐST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số: 64/2017/QĐST- HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Chị Trần Thị Thanh H**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn 5, xã Q1, huyện Q2, tỉnh Quảng Bình.

(Chị Huyền vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: **Anh Nguyễn Bá T**, sinh năm 1982.

Hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình.

(Anh Tú vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải; chị Trần Thị Thanh H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1982, có hộ khẩu thường trú tại thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào ngày 10/02/2009 được Ủy ban nhân dân UBND xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình chứng nhận kết hôn. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng gia đình anh T tại thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống vui vẻ hòa thuận được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, khác biệt về

quan điểm sống, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ cho nhau, thường xuyên cãi vã. Do mâu thuẫn căng thẳng nên đến tháng 03/2016 chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không liên lạc gì với nhau; anh T đi làm ăn xa không rõ địa chỉ, không liên lạc với chị cũng không đến nhà ngoại tìm chị về. Nay chị xác định tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Bá T.

Về con chung, chị và anh T có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 05/02/2010, hiện con Nguyễn Bảo L đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Bảo L cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Con Nguyễn Bảo L có bản tự khai xin được ở với mẹ.

Về tài sản chung, chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị N là bố, mẹ đẻ anh Nguyễn Bá T trình bày: Gia đình tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo đến hòa giải của Tòa án nhân dân huyện T2 gửi cho anh Nguyễn Bá T. Chúng tôi đã thông báo và cho anh T biết về nội dung các văn bản của Tòa án qua điện thoại. Anh T trình bày do điều kiện công việc phải đi làm ăn xa, nơi ở không có định nên không thể về Tòa án để giải quyết việc ly hôn với chị H. Quan điểm của anh T là đồng ý ly hôn với chị H vì quá trình chung sống, anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung. Anh T phải đi làm ăn xa, không thường xuyên có mặt ở nhà nên anh T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án cho anh T vắng mặt ở buổi hòa giải, phiên tòa. Về con chung, anh T và chị H có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 05/02/2010, hiện con Nguyễn Bảo L đang ở với chị H. Ly hôn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dạy con chung Nguyễn Bảo L cho đến khi trưởng thành, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị, anh T đồng ý. Về tài sản chung, anh T và chị H không có tài sản chung, không cho ai vay tài sản gì và không vay của ai tài sản gì; anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản. Quan điểm của chúng tôi cũng đồng ý với quan điểm của anh T, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Đức C1, Trưởng Công an xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình trình bày: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1982, là con của ông Nguyễn Bá C, sinh năm 1955 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1957. Anh Nguyễn Bá T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xóm 2, thôn A, xã T1, huyện T2, tỉnh Thái Bình, số hộ khẩu 140, chủ hộ là bà Nguyễn Thị N. Anh T đã đi khỏi địa phương từ năm 2010, khi đi anh T không báo cáo chính quyền địa phương, không đăng ký tạm trú tạm vắng. Hiện tại anh T ở đâu, làm gì chúng tôi không nắm được. Chúng tôi cũng không rõ bao giờ anh T trở về địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả giải quyết tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Thanh H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Bá T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không rõ lý do, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Bá T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Bá T kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ yêu cầu giải quyết ly hôn của chị Huyền cung cấp phù hợp với các tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập qua bản tự khai của gia đình anh Tú nên xác định: Thời gian đầu chung sống chị H và anh T chung sống vui vẻ, hạnh phúc được hơn 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, khác biệt về quan điểm sống, vợ chồng không thông cảm, chia sẻ cho nhau, thường xuyên cãi vã, sau đó anh Tú đi làm ăn xa, thiếu sự quan tâm, chăm sóc đến gia đình vợ con, dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn với anh Nguyễn Bá T.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Thanh H và anh Nguyễn Bá T có 01 (một) con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 05/02/2010. Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt chị H đều có ý kiến đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị; tại biên bản xác minh ngày 19 tháng 10 năm 2017, ông Nguyễn Bá C và bà Nguyễn Thị N là bố, mẹ đẻ anh Nguyễn Bá T xác định khi vợ chồng anh T ly hôn, anh T và ông bà đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo L; nguyện vọng của con Nguyễn Bảo L là được ở với mẹ, vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 05/02/2010 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con thành niên, chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra giải quyết. Anh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị Thanh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử cho chị Trần Thị Thanh H được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung:

Giao con chung Nguyễn Bảo L, sinh ngày 05/02/2010 cho chị Trần Thị Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Chấp nhận việc chị Trần Thị Thanh H không yêu cầu anh Nguyễn Bá T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Tú có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Vấn đề thay đổi người nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn được đặt ra giải quyết khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung:

Do đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai số 0001178 ngày 09/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T2, tỉnh Thái Bình. Chị Trần Thị Thanh H đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Trần Thị Thanh H; bị đơn là anh Nguyễn Bá T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện T2;
- Chi cục THADS huyện T2;
- UBND xã T1;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền